

Bản tin chứng khoán

Trong số này

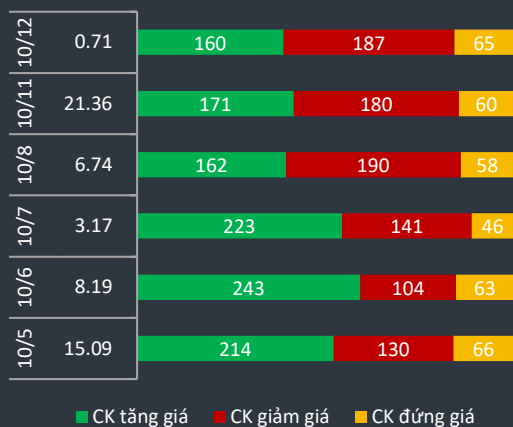
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

FMC	270.65
VRE	77.11
MBB	41.24
GAS	25.26
STB	23.52
PLX	22.46
FUEVFVND	(27.75)
DGW	(30.47)
SSI	(33.85)
NLG	(38.60)
GVR	(47.31)
VNM	(48.08)
GMD	(54.27)
HPG	(108.35)

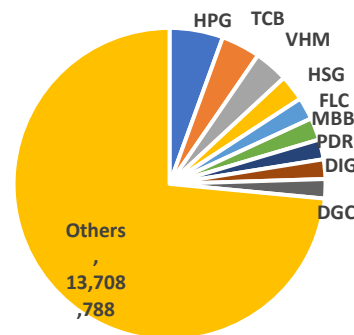
Sau phiên bức tốc hôm qua thị trường đã di chuyển chậm lại và dao động mạnh khi tiếp cận ngưỡng 1400. Dù rung lắc nhưng chỉ số Vnindex vẫn luôn duy trì mức xanh nhẹ và đóng cửa ngay sát mốc 1394 hôm qua. Sắc xanh thị trường thu hẹp lại đáng kể với 228 mã giảm so với 175 mã xanh. Nhóm VN30 số cổ phiếu giảm cũng chiếm đa số với 17 mã giảm so với chỉ 8 mã tăng giá. POW, MWG là hai mã tăng tốt nhất VN30 trong ngày với 2%. Giảm mạnh nhất là PNJ, SSI, NVL, MSN dù mức điều chỉnh chỉ quanh -1%. Kết quả kinh doanh gần nhất từ PNJ kém khả quan khi tháng 8 công ty đạt doanh thu thuần 162 tỷ đồng (giảm 86,9% yoy) và lỗ ròng 78 tỷ đồng (giảm 251,7% yoy). Trước đó trong tháng 7, PNJ ghi nhận doanh thu 489 tỷ đồng và lỗ 32 tỷ đồng. Khả năng tháng 9 PNJ tiếp tục ghi nhận lỗ khi tình hình giãn cách kéo dài đến tận tháng 10.

Cổ phiếu ngân hàng vẫn có hơn 1/2 nhóm xanh điểm trong ngày nhưng trong top tăng tốt nhất hầu hết là các bank nhỏ như NVB, PGB, BVB, KLB. OCB giữ xanh nhẹ 1 bước giá lên 24.8 với thanh khoản khá ấn tượng lên gần 4.3 triệu cổ phiếu chuyển nhượng. Nhóm ngân hàng hôm nay chỉ còn chiếm khoảng 17% giao dịch toàn thị trường và nhường lại thanh khoản cho nhóm bất động sản.

Không có nhóm ngành nào nổi trội trong ngày nhưng riêng nhóm bất động sản có khá nhiều cổ phiếu tạo sóng trong phiên như HAR, TDH, HDC, DRH, NTL, HDG, DIG. Một số cổ phiếu thuộc nhóm dầu khí cũng tăng khá như BSR, PVD, PVS. Giá dầu Brent vẫn đang ở mức cao trên 84 USD/thùng vào hôm nay. Một số chuyên gia cho biết dầu thô đang bị "cuốn theo đà tăng rộng lớn hơn trong lĩnh vực năng lượng". "Giá khí đốt và than đá cao đang làm tăng triển vọng chuyển đổi sang dầu mỏ để sản xuất điện nhiều hơn." Các nhà phân tích ước tính việc chuyển sang sử dụng dầu từ khí đốt tự nhiên để sản xuất điện có thể thúc đẩy nhu cầu dầu thô toàn cầu từ 250.000 đến 750.000 thùng mỗi ngày. Tại Trung Quốc, nơi các khu vực công nghiệp lớn đang phải chật vật với tình trạng thiếu điện, chính phủ hôm thứ Ba tuyên bố sẽ tự do hóa hoàn toàn thị trường than nhiệt giao sau cũng tăng trở lại, tại Trung Quốc tăng hơn 10%.

Vnindex 1,394.8

▲ +0.71 (+0.05%)



Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
REE	72.4	1,900	2.70
POW	12.7	300	2.42
MWG	132.1	2,600	2.01
VIB	36.1	450	1.26
VRE	30.8	350	1.15
VIC	92.9	1,000	1.09
BID	40.3	250	0.63
VNM	90.4	400	0.44
STB	26.6	100	0.38
BCM	44.7	150	0.34
PLX	55.0	100	0.18
SAB	163.0	-	-
TCB	53.0	-	-
ACB	32.6	-	-
VJC	132.5	-	-
GVR	37.8	-	-
VHM	80.9	(100)	(0.12)
BVH	61.9	(100)	(0.16)
MBB	28.8	(50)	(0.17)
FPT	99.0	(200)	(0.20)
VPB	36.7	(100)	(0.27)
PDR	88.5	(300)	(0.34)
HPG	57.0	(200)	(0.35)
HDB	25.6	(100)	(0.39)
GAS	112.0	(500)	(0.44)
VCB	97.0	(500)	(0.51)
CTG	30.8	(200)	(0.65)
DHG	98.3	(700)	(0.71)
TPB	42.7	(400)	(0.93)
NVL	103.0	(1,000)	(0.96)
MSN	145.5	(1,500)	(1.02)
HVN	26.7	(300)	(1.11)
SSI	41.4	(500)	(1.19)
PNJ	100.0	(2,000)	(1.96)

Thị trường đang giằng co sau khi có chuỗi tăng mạnh hơn 7 phiên từ vùng 1330 lên 1400 chỉ trong 1 tuần qua. Mùa báo cáo Q3 có thể không quá sôi động nhưng báo hiệu một tín hiệu kỳ vọng lớn hơn cho hoạt động kinh doanh các tháng cuối năm của các doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh Q3 khi công bố chỉ là một số liệu tham khảo để nhà đầu tư đánh giá triển vọng doanh nghiệp từ nay sang năm mới 2022 nhiều hơn. Thị trường có thể còn vài phiên rung lắc nhưng yếu tố lạc quan vẫn còn và có thể kỳ vọng chỉ số Vnindex có thể vượt qua 1400 trong vài phiên tới. Nhà đầu tư ưu tiên nắm giữ tiếp tục nhóm cổ phiếu thép, phân đạm, bán lẻ và một số cổ phiếu ngành dầu khí, bất động sản, KCN như GAS, PVS, GVR, SZC, LHG....

Bán lẻ: DGW, FRT, MWG

Ngân hàng: OCB, TPB, MBB

Các ngành khác: GVR, FPT, SZC, VCI, VND, DPR, BVH, ABI

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ	vốn
TCM	63.2	(1.7)	60	80	Mua quanh 62-64. Cắt lỗ nếu dưới 60	10/6/2021	-1.3%	64.0
PET	29.2	5.2	25	35	Mua vào quanh 28, mục tiêu 35	10/6/2021	4.3%	28.0
LCG	18.7	0.5	15	24	Mua vào quanh 18	9/28/2021	3.9%	18.0
DPR	71.3	(0.4)	57	75	Mua vào quanh 65-67	9/21/2021	6.4%	67.0
IDC	50.6	(6.5)	45	65	Mua vào quanh 50-52	9/21/2021	1.2%	50.0
REE	72.4	3.7	50	65	Nắm giữ	7/12/2021	42.0%	51.0
GVR	37.8	0.8	28	38	Nắm giữ, mục tiêu 42	7/12/2021	28.6%	29.4
HCM	38.5	0.6	44	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 48-50	7/12/2021	13.2%	34.0
VCI	61.7	3.7	47	60	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 55-57	7/12/2021	25.9%	49.0
SSI	41.4	2.5	45	70	Nắm giữ	7/12/2021	25.5%	33.0
MBB	28.8	4.9	25	35	Nắm giữ, mục tiêu 32	7/12/2021	-0.7%	29.0
OCB	24.8	5.5	20	30	Nắm giữ, Mua thêm quanh 20-22	7/12/2021	7.8%	23.0
HPG	57.0	3.1	44	65	Nắm giữ, mua thêm nếu giá về 50	7/12/2021	26.7%	45.0
KBC	45.4	2.8	32	45	Mua quanh 35-37	8/28/2021	16.4%	39.0
DGW	115.7	(0.7)	120	170	Nắm giữ, có thể mua thêm quanh 110	3/3/2021	131.4%	50.0

VHC - Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn

Price: 57,000

Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng



Giá mục tiêu	65,000
	(+7%)
Lợi nhuận 2021F	800 tỷ
EPS forecast	4,400
PE forecast	13
Ngưỡng hỗ trợ	45,000
Ngưỡng kháng cự	65,000



Doanh thu thị trường Mỹ tăng mạnh

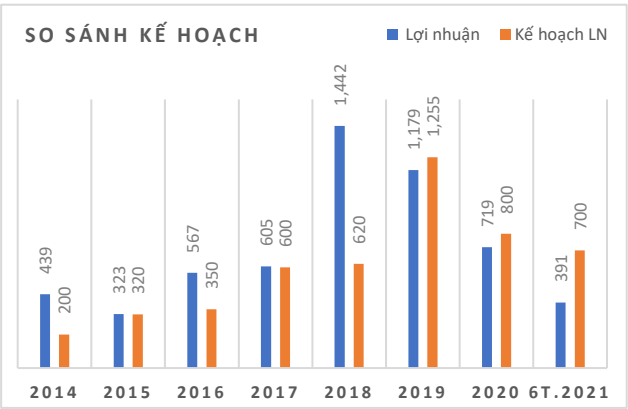
Vĩnh Hoàn vừa công bố báo cáo kinh doanh tháng 9/2021 với doanh thu 658 tỷ đồng, đưa tổng doanh thu xuất khẩu quý III/2021 đạt 2.128 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2020. Tuy nhiên nếu tính theo tháng thì doanh thu đang giảm dần từ tháng 7. Trong quý III/2021, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu tăng trưởng mạnh nhất của Vĩnh Hoàn. Riêng trong tháng 9/2021, doanh thu vào thị trường Mỹ đạt tới 344 tỷ đồng, tăng 79% so với cùng kỳ năm trước và tăng 17% so với tháng trước. Thị trường châu Âu cũng tăng 11%. Hai thị trường lớn tăng trưởng tốt đã bù đắp phần nào sự suy giảm của thị trường Trung Quốc.

Tại thị trường Trung Quốc, xuất khẩu của Vĩnh Hoàn giảm 38% so với cùng kỳ và giảm 40% so với tháng 8 xuống 84 tỷ đồng do công ty phải giảm công suất chế biến để tuân thủ yêu cầu về chính sách giãn cách xã hội để chống dịch Covid-19.

Về cơ cấu hàng xuất khẩu, cá tra là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của công ty với mức tăng trưởng 36%, các sản phẩm chăm sóc sức khỏe cũng tăng 36%, bù đắp được sự suy giảm của một số sản phẩm khác.

Như vậy, lũy kế 9 tháng, doanh thu xuất khẩu của Vĩnh Hoàn vẫn tăng hơn 15% so với cùng kỳ năm 2020, động lực tăng trưởng chính là thị trường Mỹ.

Năm nay VHC đặt kế hoạch doanh thu 8600 tỷ lợi nhuận 700 tỷ đồng. Giá của VHC đã tăng trưởng mạnh từ vùng giá 38 lên gần 60 chỉ trong 4 tháng vừa qua.



VHC	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	6T.2021
Doanh thu	6,292	6,493	7,304	8,151	9,271	7,867	7,037	4,131
Lợi nhuận	439	323	567	605	1,442	1,179	719	391
Lợi Nhuận Gộp	823	803	1,067	1,172	2,039	1,533	1,015	705
Chi phí lãi vay	(38)	(37)	(68)	(71)	(56)	(60)	(38)	(14)
KLCP DLH (triệu CP)	92	92	92	92	92	183	183	182
VCSH	1,870	2,089	2,393	2,943	4,015	4,877	5,176	5,473
Tổng Tài Sản	4,492	4,357	4,451	5,043	6,299	6,612	7,202	7,972
Book Value	20,236	22,611	25,898	31,845	43,452	26,597	28,225	30,079
EPS	4,753	3,491	6,133	6,544	15,607	6,430	3,923	3,956
LN ròng biên	7.0%	5.0%	7.8%	7.4%	15.6%	15.0%	10.2%	9.5%
ROE	23.5%	15.4%	23.7%	20.5%	35.9%	24.2%	13.9%	13.2%
Vay Ngắn Hạn	2,036	1,334	866	1,008	1,269	866	1,106	1,628
Vay Dài Hạn	8	438	518	402	-	-	69	82
Tổng Nợ vay	2,043	1,772	1,384	1,410	1,269	866	1,175	1,711
Nợ Vay/VCSH	109.3%	84.8%	57.8%	47.9%	31.6%	17.8%	22.7%	31.3%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TSC	3.92
SJF	4.07
FIT	4.20
NTL	4.28
FTM	4.57
BMC	4.85
SFI	5.42
DRH	5.45
HDC	6.47
TDH	6.60
HAX	6.79
VRC	6.81
VRC	6.81
HAR	6.90
TCT	6.96

Top tăng giá HNX

PVL	9.09
PTS	9.30
PDB	9.63
BII	9.76
D11	9.86
VKC	9.92
DTD	10.00
NSH	10.00
NRC	10.00

AAV - CTCP Việt Tiên Sơn Địa ốc – Đã thông qua việc nhận chuyển nhượng hơn 1,23 triệu cổ phần tại CTCP Việt Tiên Sơn, tương đương 95%/vốn, với giá 52.000 đồng/cổ phần.

Liên quan đến AAV, Công ty cũng thông qua việc phát hành chào bán riêng lẻ 30 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư chuyên nghiệp, với giá 12.200 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV/2021-quý II/2022.

MST - CTCP Đầu tư MST - Ước tính doanh thu quý 3 đạt 55 tỷ đồng (gấp gần 3 lần cùng kỳ) và lãi trước thuế hợp nhất đạt 20 tỷ đồng trong khi cùng kỳ con số này chỉ ở mức 532 triệu đồng.

PDR - CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt - Quý 3/2021 dự kiến ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 605 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ, đưa mức lợi nhuận sau thuế lũy kế 9 tháng đầu năm 2021 lên mức 1,107 tỷ đồng, tăng 54%.

DIG - Tổng CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Đã huy động thành công 1.000 tỷ đồng trái phiếu trong đợt chào bán thứ 2. Đây là loại trái phiếu doanh nghiệp thông thường, không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo.

SMB - Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung - Sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền mặt với tỷ lệ 25%, tương ứng cổ đông sở hữu mỗi 1 cổ phiếu sẽ nhận về 2.500 đồng. Với gần 30 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính SMB sẽ chi ra khoảng 75 tỷ đồng để hoàn tất tạm ứng cổ tức cho cổ đông đợt này.

APH - Tập đoàn An Phát Holdings - Thông báo thành lập CTCP Dịch vụ suất ăn công nghiệp An Phát (An Phát Catering Services) và ra mắt dịch vụ suất ăn công nghiệp.

HBC - CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình - Đã nhận được thông báo trúng thầu 2 dự án mới tại Hà Nội với tổng giá trị hơn 2.000 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị trúng thầu từ đầu năm đến nay đạt 16.054 tỷ đồng, vượt 15% kế hoạch năm.

PAS - CTCP Quốc tế Phương Anh - Sẽ phát hành hơn 28 triệu cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ phát hành 1:1, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 quyền mua, cứ 1 quyền mua được mua 1 cổ phiếu mới. Giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, dự kiến thu về khoảng 280 tỷ đồng.

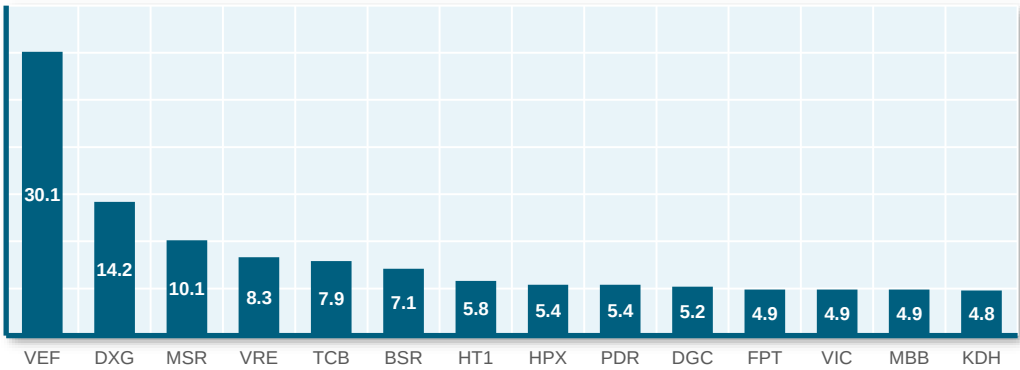


Kế hoạch tăng vốn các ngân hàng

Ngân hàng	Tỷ lệ	Hình thức	Nội dung	Vốn tăng lên
VCB	8%	Tiền mặt	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận các năm trước	50,000
	27.60%	Cổ phiếu		
CTG	29%	Cổ phiếu	Cổ tức từ nguồn lợi nhuận 2017-2019	48,000
	12.6% - 17.7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
	5%	Tiền mặt	Cổ tức năm 2020	
BID	5.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	48,524
	7%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
MBB	35%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	38,676
ACB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	27,019
SHB	10%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2019	26,674
	10.50%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	
HDB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	20,111
VIB	40%	Cổ phiếu	Cổ tức thương	16,000
MSB	30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	15,275
SSB	9.12%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,700
OCB	25%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	14,449
BAB	6.30%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	7,530
NAB	10.20%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	4,564
KLB	13%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,653
SGB	5%	Cổ phiếu	Cổ tức năm 2020	3,234



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	36.7	6,415,500	7.3	1.5	-	-	90,640	15.00	5,056	24,447
VIB	HOSE	36.1	1,387,900	6.4	2.7	-	-	56,068	21.00	5,638	13,552
VCB	UPCOM	97.0	761,100	17.5	3.4	289,900	127,500	359,761	23.54	5,532	28,293
VBB	HNX	16.9	54,372	20.4	1.5	-	-	8,073	0.01	830	11,579
VAB	HOSE	17.1	338,414	14.3	1.3	-	-	7,609	-	1,196	13,597
TPB	HOSE	42.7	1,868,600	9.4	2.3	-	1,000	50,030	30.00	4,565	18,925
TCB	HOSE	53.0	14,216,500	11.5	2.2	-	32,900	186,078	22.43	4,614	23,938
STB	UPCOM	26.6	11,680,000	13.8	1.6	1,370,100	485,000	50,147	15.76	1,922	16,846
SSB	HOSE	38.0	2,103,300	22.1	3.1	-	-	51,015	0.02	1,723	12,310
SHB	HOSE	30.2	38,137,700	13.8	2.2	88,600	1,311,100	58,167	3.98	2,183	14,014
SGB	HNX	17.5	35,051	-	1.4	-	-	5,390	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	23.4	187,216	31.7	1.7	-	-	7,020	15.00	739	13,529
OCB	HNX	24.8	4,289,000	6.5	1.4	52,200	51,100	33,973	17.60	3,799	17,827
NVB	HOSE	29.2	331,317	142.4	2.7	-	-	11,879	8.49	205	10,726
NAB	HOSE	19.9	110,801	5.9	1.2	100	5,000	9,083	0.01	3,367	16,324
MSB	HOSE	22.5	3,987,400	6.8	1.3	-	-	26,379	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	28.8	14,875,500	7.4	1.4	2,591,600	1,161,900	108,627	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	21.8	5,343,000	8.4	1.5	31,600	42,800	26,178	3.67	2,591	14,466
KLB	HOSE	22.8	258,201	11.2	1.6	-	-	7,294	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	25.6	1,745,400	6.6	1.5	358,500	469,000	50,901	17.73	3,854	17,399
EIB	HOSE	23.2	222,000	26.5	1.6	1,000	75,800	28,523	29.73	874	14,061
CTG	HOSE	30.8	10,815,800	7.0	1.2	1,233,600	735,700	148,017	24.46	4,394	25,028
BVB	HOSE	21.2	3,274,321	18.3	1.7	4,720	-	7,782	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	40.3	1,985,900	16.0	1.9	32,600	55,500	161,886	16.61	2,512	21,036
BAB	HOSE	22.4	43,700	23.6	1.8	-	-	169	-	950	12,242
ACB	HOSE	32.6	3,385,300	7.1	2.2	-	-	88,084	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.1	809,702	7.5	1.3	-	-	12,055	30.00	2,801	16,671
128,662,995				18.06	1.82	6,054,520	4,554,300	1,650,826		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TRC	HOSE	8/11/2021	9/11/2021	26/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	DMC	HOSE	25/10/2021	26/10/2021	10/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	BXH	HNX	22/10/2021	25/10/2021	18/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	CCL	HOSE	22/10/2021	25/10/2021	30/12/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	ISH	UPCoM	21/10/2021	22/10/2021	11/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	TNC	HOSE	21/10/2021	22/10/2021	5/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SGC	HNX	18/10/2021	19/10/2021	3/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	E29	UPCoM	18/10/2021	19/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VMC	HNX	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VHF	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 259 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	NDN	HNX	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	SNC	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	19/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	AAT	HOSE	14/10/2021	15/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	AAT	HOSE	14/10/2021	15/10/2021		Trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1000:115	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
15	PCM	UPCoM	14/10/2021	15/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 34 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	SSB	HOSE	13/10/2021	14/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:10.1304, giá 15,000 đồng/CP	Phát hành thêm
17	GVR	HOSE	13/10/2021	14/10/2021	28/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TKG	UPCoM	13/10/2021	14/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:10, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
19	QLD	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 252 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	ICC	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	DBH	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	26/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	VEA	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	15/11/2021	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 462 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	NWT	UPCoM	12/10/2021	13/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	TNP	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021	1/11/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	HU6	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021	29/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	HAB	UPCoM	11/10/2021	12/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 0%, giá 75,000 đồng/CP	Phát hành thêm
27	HCM	HOSE	11/10/2021	12/10/2021		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 2:1, giá 14,000 đồng/CP	Phát hành thêm
28	BVS	HNX	11/10/2021	12/10/2021	20/10/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931